

Sự du nhập của Công giáo ở miền Trung

Đoàn Triệu Long *

Tóm tắt: Do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong quá trình du nhập và tồn tại, Công giáo đã tạo nên những phản ứng trái chiều và ít nhiều tạo ra những xung chạm ở miền Trung; Bài viết phân tích thái độ của các triều đại phong kiến và nhân dân đối với Công giáo qua các thời kỳ; đưa ra những bài học kinh nghiệm về sự du nhập Công giáo ở miền Trung.

Từ khóa: Công giáo; miền Trung; truyền giáo; du nhập.

1. Lịch sử truyền giáo tại miền Trung

Ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ XVII, sự khác biệt về văn hóa, tín ngưỡng cùng với thái độ cứng nhắc của nhiều giáo sĩ Công giáo trong việc ứng xử với văn hóa, tín ngưỡng truyền thống bản địa đã dần tạo nên những rạn nứt ngay khi tôn giáo này vừa đặt chân đến vùng đất miền Trung. Điều này dẫn tới phản ứng quyết liệt trong dân chúng lúc bấy giờ. Tương tự, các chúa Nguyễn cũng quan lại dưới quyền, tuy đậm nhạt từng lúc khác nhau, nhưng xuyên suốt vẫn là một thái độ ít thiện cảm, và cuối cùng dẫn đến ngăn cấm truyền giáo.

Theo thời gian, thái độ của các vị chúa Nguyễn càng trở nên cứng rắn và quyết liệt đối với sự tồn tại của tôn giáo ngoại nhập này. Việc một loạt giáo dân và giáo sĩ ở khắp miền Trung bị bắt và hành quyết như là lời tuyên bố đánh thép nhất cho thái độ đó. Từ đây, vùng đất miền Trung đã mở ra một thời kỳ mà nhiều sử gia Công giáo gọi là “Thời kỳ bách đạo”. Thái độ cũng như cách hành xử tương tự vẫn được tiếp diễn ở nhiều nơi và kéo dài cho đến thời Tự Đức. Với một loạt các Đạo dụ được ban ra, Công giáo nói chung và Công giáo trên khắp

miền Trung nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, khốn đốn [1].

Nói đến lịch sử truyền giáo tại miền Trung thời kỳ này, chúng ta không thể không đề cập đến sự kiện thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng năm 1858. Một trong những nguyên cớ để quân xâm lược Pháp nổ súng tiến đánh Đà Nẵng là “do triều Nguyễn sát hại Công giáo”, chúng phải “bảo vệ các giáo sĩ và giáo dân”! Trong cuộc tấn công quân sự nói trên của thực dân Pháp, không ít các giáo sĩ thừa sai Pháp và một bộ phận giáo dân bị lôi kéo, đã công khai tỏ thái độ ủng hộ đội quân xâm lược. Nhiều người đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham dự vào cuộc chiến phi nghĩa. Giám mục Pellerin (giáo phận Huế) là người tích cực vận động chính phủ Pháp đem quân can thiệp vào Việt Nam; vị này có mặt trên tàu chiến của Rigôn và là cố vấn của kẻ xâm lược trong

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.
ĐT: 0912324746. Email: trieulong1503@gmail.com.
Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài “*Công giáo miền Trung - lịch sử và những vấn đề hiện tại*”. Mã số I2.3-2012.17.

cuộc tấn công Đà Nẵng. Giám mục Lefèbvre (giáo phận Sài Gòn) tích cực giúp đỡ quân đội Pháp trong cuộc đánh chiếm Sài Gòn. Điều này thể hiện rõ qua đánh giá của Piolet rằng: “Ngày nay, nếu viết lịch sử các cuộc chinh phục của chúng ta, không nên quên Đức cha Lefèbvre, người mà lòng ái quốc đã khiến cho nước An Nam... trở thành một thuộc địa của Pháp” [2, tr.18 - 19]. Nhiều giáo dân Bắc cũng như Nam tham gia đội quân lính Tập do Pháp tổ chức ở Đà Nẵng rồi theo quân Pháp vào tấn công Gia Định.

Những hành động trên là không thể chấp nhận và khó dung thứ. Chính vì vậy, sẽ thật dễ hiểu khi triều đình nhà Nguyễn, đặc biệt là các Văn Thân, sĩ phu và nhân dân yêu nước có một thái độ phản kháng, thậm chí có những hành động mạnh mẽ đối với “vị khách” vốn trước đó đã không chiếm được nhiều thiện cảm. Đây là thời kỳ mà vua Tự Đức liên tiếp ra nhiều chỉ dụ cấm đạo đanh thép, quyết liệt như: đối với giáo sĩ ngoại quốc, linh mục bản xứ, nếu bị bắt thì xử tử hình bằng mọi hình thức để răn đe; đối với giáo dân thì phải bỏ đạo, nếu không sẽ tùy trường hợp để hoặc tử hình, hoặc phạt roi, thích chữ vào mặt rồi đưa đi đày. Tình hình chỉ dịu lại khi triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, trong đó, Khoản 2 quy định rằng những công dân của hai quốc gia Pháp và Tây Ban Nha được phép truyền đạo trong “Vương quốc An Nam” và ai muốn đi theo đạo Thiên Chúa thì đều được tự do. Với Hiệp ước Nhâm Tuất 1862, các lệnh cấm đạo của triều đình nhà Nguyễn được bãi bỏ. Từ thái độ cho đến hành động của triều đình đối với Công giáo có sự đổi thay cơ bản. Tuy nhiên, đó là yếu tố quan phương từ phía

triều đình, còn những xung chạm giữa các Văn Thân, những người chống Pháp với Công giáo thì không dễ gì chấm dứt. “Việc cấm đạo, sát đạo không được nhà nước thi hành nữa, nhưng vẫn tiếp tục trở thành những hoạt động tự phát ở nhiều địa phương, đặc biệt ở Trung kỳ và Bắc kỳ” [3, tr.178]. Cuộc nổi dậy vào đêm ngày 4 tháng 7 năm 1884 của vua Hàm Nghi đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử chống xâm lược của dân tộc. Vua Hàm Nghi ra hịch kêu gọi Văn Thân và nhân dân trong cả nước phát lên ngọn cờ “Bình Tây, sát Đạo”. Hàm Nghi sau đó bị bắt, nhưng phong trào Văn Thân với ngọn cờ chống xâm lược, loại bỏ Công giáo vẫn đã được phát lên và được nhiều nơi hưởng ứng. Công giáo ở miền Trung tiếp tục chìm sâu trong bế tắc.

Những thập niên cuối của thế kỷ XIX, những cuộc “bắt đạo” càng trở nên vô cùng gay gắt. Theo tác giả Trương Bá Cẩn, ở giáo phận Đông Đàng Trong có khoảng 50% tổng số giáo dân, 8 thừa sai Pháp, 7 linh mục Việt Nam, 60 thầy giảng và 270 nữ tu bị sát hại. Riêng ở Quảng Nam, khoảng 20% giáo dân bị sát hại. Trong số 5.428 giáo dân ở Quảng Nam năm 1888, có 5.000 người sống sót. Quảng Ngãi trong số 6.600 giáo dân, chỉ 1.000 người sống sót [4]. Tại Quảng Ngãi, linh mục Marie André Garin cũng bị giết chết vào ngày 18 tháng 7 năm 1885 cùng với các tín đồ tại nhà thờ Phường Chuối, Cù Và. Năm 1885, tại làng Trí Bưu, hơn 600 giáo dân bị thiêu chết trong nhà thờ cùng với linh mục phó xứ Giuse Bùi Thông Bưu. Ở Bình Định trong số 16.940 giáo dân chỉ còn 8.000 người sống sót.

Qua các triều đại và dân chúng trong những thời kỳ trên đã thể hiện một thái độ

phản ứng mạnh mẽ và quyết liệt với Công giáo. Điều đó khiến một số giáo dân và giáo sỹ ở Giáo phận Đông Đàng Trong bỏ đạo, rời quê hương lánh vào Sài Gòn hoặc tập trung xung quanh Quy Nhơn (gần tòa Lãnh sự Pháp). Công giáo tại miền Trung trở nên ít ỏi, nhiều giáo xứ gần như không còn. Bước sang thế kỷ XX, đây là thời kỳ thực dân Pháp đã từng bước ổn định bộ máy cai trị tại Việt Nam. Với sự bảo hộ của người Pháp, Công giáo ở các tỉnh miền Trung dần ổn định.

2. Bài học từ việc du nhập Công giáo miền Trung

Thứ nhất, khi du nhập và tồn tại lâu dài trên một vùng đất, mỗi tôn giáo sẽ có một đời sống riêng, với những thăng trầm, biến đổi theo thời gian. Sự thăng trầm của Công giáo ở miền Trung vừa xuất phát từ những yếu tố chủ quan từ trong chính tôn giáo này tạo nên; vừa phản ánh (dẫu chỉ một phần) một thời kỳ lịch sử đầy biến động của dân tộc: từ cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn đến cuộc chiến giữa Nguyễn Ánh - Nguyễn Huệ; từ sự ra đời một vương triều mới (nhà Nguyễn) cho đến cuộc xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam. Từ hiệp định Giơnevơ cho đến cuộc Di cư năm 1954 tạo nên bao xáo trộn về cơ cấu dân số, bản đồ tôn giáo Công giáo và đặc biệt là nhân tâm với những vết rạn nứt ngay trong lòng những dân nước Việt Nam... Trên tất cả, sự thăng trầm của Công giáo ở miền Trung là bài học lịch sử đắt giá cho mọi tôn giáo trong hành trình du nhập vào Việt Nam về sự cần thiết tôn trọng và hội nhập nền văn hiến văn hóa của dân tộc. “Đồng hành cùng dân tộc” không chỉ là một con đường đẹp mà quan trọng hơn, đó là phương thức tồn tại mang tính tất yếu của

mọi tôn giáo trong lòng một quốc gia, dân tộc. Bởi nếu không làm được điều này thì ngay lập tức một tôn giáo sẽ trở thành một “vị khách không mời”, một kẻ không được chào đón trong căn nhà quốc gia - dân tộc Việt Nam. Đây là một bài học không bao giờ cũ đối với các tôn giáo nói chung trong cuộc hành trình bước vào ngưỡng cửa thế kỷ XXI hiện nay.

Thứ hai, ở miền Trung, quá trình Công giáo truyền giáo và mở rộng tổ chức, xây dựng giáo hội, chức sắc, linh mục và phát triển giáo dân đều luôn khai thác và dựa trên mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền trung ương hoặc tầng lớp quan lại có vai vế tại địa phương. Đó là mối quan hệ ngoại giao, những cuộc dàn xếp tiếp kiến của các giáo sỹ thừa sai với các vị vua - chúa. Đó là việc cố công thuyết phục những nhân vật như Công chúa Ngọc Liên, Vương thái phi Minh Đức, chỉ huy cấm quân thị vệ Tổng Viết Bường, cai đội Lê Đăng Thị... vào Công giáo. Đó là xây dựng mối quan hệ thân tình với các quan Tổng đốc, quan Trấn ở Quy Nhơn, Quảng Trị...; xây dựng một đội ngũ Thầy giảng, các nhà truyền giáo vốn là các ông cử, thầy đồ... Điều này bước đầu đã tạo nên những thuận lợi nhất định cho quá trình truyền giáo trên nhiều phương diện: uy tiếng - kinh phí - điều kiện truyền giáo... Tuy nhiên, xét đến cùng, tất cả vẫn chỉ là những khởi động ban đầu. Sự tồn tại lâu dài của tôn giáo này trên thực tế không phải luôn chỉ được quyết định bởi chính quyền mà được quyết định bởi chính nhân dân - nơi mà tôn giáo đó tìm đến cắm rễ. Lịch sử đã chứng tỏ rằng phương thức truyền giáo buổi đầu ở Việt Nam đã có một sự “lệch pha” khá lớn và rõ ràng: tuy được quan lại bảo trợ nhưng Công giáo - cụ thể là

một số nhà truyền giáo lúc bấy giờ đã khá lơ là đến việc thu phục nhân tâm. Họ chưa thực sự chú ý đến những tiếng nói thầm kín nhưng vô cùng mãnh liệt xuất phát từ một đời sống tâm linh dồi dào và có truyền thống hàng ngàn năm lịch sử của người Việt Nam. Văn hóa truyền thống của một dân tộc đã không được tôn trọng đúng mức. Và khi văn hóa của người dân không được tôn trọng thì hẳn nhiên lòng dân sẽ không thuận, tôn giáo không thể tồn tại và yên ổn.

Rõ ràng bài học về lòng dân luôn có tính phổ biến và xuyên suốt mọi thời đại, triều đại. Bất cứ một tôn giáo hay một tổ chức, lực lượng nào muốn tồn tại một cách lâu bền trên một vùng đất, một quốc gia lãnh thổ, thì tôn giáo ấy, lực lượng ấy phải xây dựng cho được một niềm tin bền vững và thực sự trong lòng người dân trên chính quốc gia, lãnh thổ đó.

Thứ ba, thực tế lịch sử đã cho thấy, có một thời kì Công giáo không những không được đón nhận mà còn bị tẩy chay, phản đối kịch liệt - thậm chí có những xung chạm nảy lửa bởi nhân dân Việt Nam. Điều này xuất phát từ sự liên quan ít nhiều của một bộ phận tôn giáo này đến quá trình xâm lăng của người Pháp cũng như những sự khác biệt về đời sống văn hóa, tâm linh. Sự chống đối Công giáo không phải (và không chỉ) đến từ chính quyền mà trên hết và cơ bản bởi chính người dân các địa phương. Điều này cho thấy ý thức về độc lập - trên cả hai bình diện là lãnh thổ và văn hóa chính là sức đề kháng vô cùng quan trọng để một dân tộc có những ứng xử, chọn lựa thích hợp trước những yếu tố văn hóa ngoại lai. Vì vậy, hơn bao giờ hết và bất cứ khi nào, việc nâng cao ý thức độc lập chủ quyền, tự tôn, tự trọng trước những giá trị

văn hóa của dân tộc là điều vô cùng quan trọng để tạo nên liều thuốc kháng sinh giúp một quốc gia, dân tộc vững vàng trước những biến đổi của lịch sử.

Thứ tư, tuy sự phản kháng của chính quyền nhà Nguyễn đối với sự truyền bá của Công giáo là có nguyên nhân, nhưng xét ở một số góc độ thì thái độ và cung cách ứng xử trong một số trường hợp cụ thể là hơi cực đoan, thái quá. Trong chừng mực nào đó, có thể thấy rằng chính sách của nhà nước phong kiến Việt Nam cả hai xứ Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong đối với Công giáo đôi khi chỉ dừng lại trong mức độ của những biện pháp tình thế, nên rất thiếu tính nhất quán và không đạt hiệu quả như mong muốn. Sự “sáng nắng, chiều mưa” thể hiện rất rõ rệt trong từng giai đoạn - khi thì gần gũi và đồng ý cho Công giáo truyền giáo, lúc lại ra lệnh cấm bách và trục xuất khiến nhiều tín đồ chân chính cũng không khỏi hoang mang, dao động. Từ thực tế trên, bài học về việc cần xây dựng một đường lối tổng thể lâu dài, mang tầm chiến lược là vô cùng cần thiết. Điều này một mặt sẽ tạo nên sự thống nhất giữa đường lối chỉ đạo với các biện pháp thực thi trong mọi thời kì và trên diện rộng. Không những thế, nó còn giúp xây dựng một lòng tin vững chắc trong cộng đồng các tôn giáo. Chỉ khi nào nhân dân thực sự an lòng và có niềm tin, họ sẽ tự nguyện hòa mình vào dòng chảy chung, gắn bó hết mình vào công cuộc chung của đất nước.

Thực tế là các chính quyền ở Việt Nam lúc bấy giờ đã tỏ ra sáng suốt và khá kịp thời trong việc nhận biết sự lợi dụng tôn giáo của những thế lực ngoại bang đang là nguy cơ đe dọa nền an ninh của quốc gia - dân tộc. Những hành động của chính quyền mặt nào đó đã thể hiện sự cảnh giác cao để

có các phản ứng kịp thời trước những hoạt động chính trị không chính đáng của một số giáo sĩ lợi dụng Công giáo. Tuy nhiên, chính sách thiếu nhất quán của các chúa Nguyễn đã tạo nên một bức tường ngăn cách, đẩy Công giáo ra xa Dân tộc ngay khi vừa mới tìm cách đến gần. Điều này dẫn đến không ít những tin đồn Công giáo đã chịu những sự trừng phạt không đáng có. Đặc biệt là sự không phân biệt rạch ròi giữa đời sống tôn giáo thuần túy với sự lợi dụng tôn giáo khiến cho nhiều hành động của chính quyền mang tính “vơ đũa cả nắm”. Hệ lụy của vấn đề này không chỉ là những thiệt hại về con người, tài sản của nhiều vùng đạo mà quan trọng hơn là đã tạo nên một sự chia rẽ rất đáng tiếc trong lòng dân tộc giữa bộ phận đồng bào theo Công giáo và không theo Công giáo. Đây là một trong những bài học kinh nghiệm xương máu rút ra từ lịch sử; từ các triều đại đi trước về phương pháp phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân. Sự cảnh giác và kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn những hành động lợi dụng tôn giáo của các thế lực từ bên ngoài là điều vô cùng cần thiết; nhưng cũng cần luôn được nhắc nhở để tránh việc “ném chuột, vỡ bình”. Sự cứng nhắc, quan liêu mệnh lệnh của một bộ phận trong bộ máy chính quyền không những sẽ làm xấu hình ảnh của cả một thể chế mà quan trọng hơn nó có thể dẫn đến những hệ quả đáng tiếc mà sẽ phải mất nhiều công sức mới có thể sửa sai được.

Cách thức ứng xử của một chính quyền cần đòi hỏi sự tinh tế và khách quan. Cần đảm bảo sự hài hòa giữa tâm, tầm và tài trong phương thức ứng xử. Các nhà cầm quyền cần thiết thể hiện một tầm cao của trí tuệ và văn hóa Việt Nam: lấy nhân tâm để thắng cường quyền, đem nhân nghĩa để chế

hung bạo. Làm được thế mới giữ được nhân tâm và xây dựng nên sự đoàn kết trong toàn dân tộc. Chỉ khi nào có được sự đoàn kết, đồng thuận trong toàn dân tộc thì đất nước mới có đủ sức mạnh vượt mọi khó khăn, thử thách để vững vàng tiến lên phía trước.

Thứ năm, sự du nhập và hành trình tiếp nhận Công giáo vào đời sống tâm linh dân tộc trong những thế kỷ qua cũng gợi mở nhiều điều cần ngẫm nghĩ. Dân tộc Việt Nam luôn được biết đến bởi lòng nhân ái và tinh thần hòa hiếu. Bao dung và linh hoạt là những cụm từ thường được nhắc đến; và thực tế là luôn thường trực trong tính cách Việt - nhất là khi tiếp nhận những yếu tố văn hóa - tâm linh mới từ bên ngoài vào. Tuy nhiên, dẫu linh hoạt và bao dung đến đâu nhưng chúng ta cũng không thể quên một nguyên tắc mang tính cơ bản đó là phải dựa trên sự nhất mực tôn trọng nền độc lập của dân tộc trên cả hai phương diện: độc lập lãnh thổ và độc lập về hệ giá trị văn hóa - đạo đức truyền thống. Đây chính là cái lõi “bất biến” cần giữ vững và được sử dụng như kim chỉ nam làm hệ quy chiếu để ứng xử trong mọi trường hợp.

Trên thực tế thì điều tưởng chừng không thể khác đó đôi khi lại không được chú ý đúng mức. “Một số người trong quá trình tiếp nhận một tôn giáo mới, có thể bị sức hấp dẫn của những điều mới lạ quyến rũ mà băng quên cả một đời sống tâm linh truyền thống, thậm chí có thể rũ bỏ hay phản bác những giá trị đó một cách không thương tiếc” [5, tr.74]. Sự cởi mở quá đà đôi khi khiến nhiều người bị lệch hướng và quên cả cội nguồn văn hóa và lịch sử. Xét ở bất cứ góc độ nào thì đây cũng là một điều đáng buồn và vô cùng đáng tiếc - thậm chí đáng lên án.

Việc tin theo một vị thần mới là bình thường và cần được tôn trọng, đảm bảo nhưng phải dựa trên cơ sở không kích bác, phủ nhận đời sống tâm linh Việt từ bao đời nay. Đặc biệt, trong quá trình truyền bá tôn giáo mới, tuyệt đối không được dựa vào bất cứ một thế lực nào làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia - dân tộc. Công giáo là một tôn giáo độc thần và cũng vô cùng ấn tượng bởi tính tổ chức cao. Cả hệ thống tôn giáo rộng lớn trên phạm vi toàn thế giới đều tuân thủ trước sự điều hành của một Giáo hội thống nhất. Điều này hẳn nhiên cũng đáng khâm phục và được tôn trọng và sẽ không có vấn đề gì nếu những điều đó không đi ngược lại quyền lợi của dân tộc. Một tín đồ tôn giáo luôn tồn tại hài hòa giữa hai yếu tố là công dân và tín đồ; trong đó yếu tố công dân luôn là số một, phải đặt lên đầu tiên. Rất đáng tiếc trong hành trình của Công giáo đến Việt Nam, điều này đôi khi hoặc vô ý, hoặc cố tình đã không được tuân thủ.

3. Kết luận

Điểm lại hành trình hội nhập của Công giáo ở miền Trung, đó là một chặng đường dài với không ít những thăng trầm do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan tạo nên. Có thể nói rằng, quá trình hội nhập cũng là hành trình thăm dò thử nghiệm nhằm tìm chỗ đứng trong lòng dân tộc. Những phép thử khác nhau đưa lại những kết quả không giống nhau; xung chạm mang tính “chính thống” đã xảy ra giữa Công giáo và chính quyền khiến cho tôn giáo này buổi đầu đã chịu không ít những thiệt hại.

Nhìn về quá khứ để hướng tới tương lai. Những bài học từ quá trình du nhập của Công giáo ở miền Trung chắc chắn sẽ có nhiều gợi mở cho bất cứ ai là dân nước Việt Nam cần thiết phải suy ngẫm để cùng đoàn kết, đồng thuận chung sức chung lòng xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đoàn Triệu Long (2011), *Giáo phận Đà Nẵng - Lịch sử và những vấn đề hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ (1988), *Một số vấn đề về lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Kỷ yếu hội nghị khoa học tại Tp. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Ngọc Quỳnh (2012), *Chính sách tôn giáo thời Tự Đức (1848 - 1883)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,
- [4] Trương Bá Cẩn (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, t.2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [5] Đoàn Triệu Long (2015), *Đạo Công giáo ở miền Trung Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [1] A.D. Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ, bản Pháp ngữ của Nxb Cramoisy 1653, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh, Tủ sách Đại kết.
- [2] Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong 1621*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [3] Manuel Moreno (1916), *Sử ký địa phận Trung*, In ở Phú Nhai đường.
- [4] Phillipphê Bình (1822), *Truyện nước Nam, Đàng Ngoài chí Đàng Trong*, quyển II, Bản viết tay, Kê Chợ.
- [5] LM Lê Công Danh (Chủ biên) (2013), *Người Công giáo tốt cũng là người công dân tốt*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [6] Trương Bá Cẩn (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, t.2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Hồng (1959), *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, quyển I, Hiện tại, Sài Gòn.
- [8] Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, t.2 (1954 - 1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

